ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUY KỲ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 74 /TB-UBND	*Quy Kỳ, ngày 14 tháng 9 năm 2023*

THÔNG BÁO
Về việc Công khai dự thảo Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Quy Kỳ năm 2023

Căn cứ Quyết định 2194/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới. Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025 và phân công các sở ngành phụ trách, hướng dẫn thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND huyện Định Hóa, phê duyệt Đề án xây dựng huyện Định Hóa đạt chuẩn vào năm 2023 và các Kế hoạch của UBND huyện về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 08/03/2023 của UBND xã Quy Kỳ triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới xã Quy Kỳ năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 214/KH-UBND ngày 31/8/2023 của UBND huyện Định Hóa về việc thẩm tra kết quả xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023;

Ủy ban nhân dân xã Quy Kỳ thông báo công khai đến các tầng lớp nhân dân trên địa bàn xã về dự thảo báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới xã Quy Kỳ năm 2023 tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa 12 xóm; công khai trên hệ thống loa truyền thanh và trên Trang thông tin điện tử xã Quy Kỳ ***(quyky.dinhhoa.thainguyen.gov.vn)***. Các ý kiến tham gia gửi về UBND xã trước ngày 20/9/2023 (*qua đ/c Lường Thị Kim Doanh – Công chức Văn phòng – Thống kê xã)* và Thường trực UBMTTQ Việt Nam xã Quy Kỳ *(qua đ/c Trần Thị Viện - Chủ tịch UBMTTQ xã)* để tổng hợp theo quy định.

(Có dự thảo báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới xã Quy Kỳ năm 2023 kèm theo)

Đây là căn cứ để UBND xã hoàn chỉnh dự thảo báo cáo theo đúng quy định. Sau thời gian nêu trên các tầng lớp nhân dân không có ý kiến tham gia gửi

về UBND xã thì được coi là đã nhất trí với bản dự thảo báo cáo, UBND xã hoàn chỉnh và ban hành.

Trên đây là Thông báo công khai dự thảo báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM xã Quy Kỳ năm 2023./.

Nơi nhận:
- TT Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Thường trực UBND xã;
- TT UBMTQ và các đoàn thể CTXH xã;
- 12 xóm trên địa bàn;
- Lưu: VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Luân Đức Quỳnh

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ QUY KỲ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-UBND *(Dự thảo)*	*Quy Kỳ, ngày tháng 9 năm 2023*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện các tiêu chí Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Quy Kỳ năm 2023
(Tính đến tháng 9/2023)

Căn cứ Quyết định 2194/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới. Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025 và phân công các sở ngành phụ trách, hướng dẫn thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí;

Căn cứ Hướng dẫn số 348/HĐ-VPĐP ngày 12/10/2022 của Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên về việc rà soát, quyết định công nhận đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao hàng năm và sơ đồ về trình tự, thủ tục xét, công nhận, công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND huyện Định Hóa, phê duyệt Đề án xây dựng huyện Định Hóa đạt chuẩn vào năm 2023 và các Kế hoạch của UBND huyện về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 28/8/2023 của UBND huyện Định Hóa về thời gian thực hiện các nội dung Đề án Xây dựng huyện Định Hóa đạt chuẩn nông thôn mới trong quý III, quý IV năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/ĐU ngày 18/06/2022 của Đảng ủy xã Quy Kỳ về xây dựng xã Quy Kỳ đạt chuẩn Nông thôn mới vào năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 17/12/2022 của HĐND xã Quy Kỳ thông qua Đề án xây dựng nông thôn mới xã Quy Kỳ giai đoạn 2022 – 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 08/03/2023 của UBND xã Quy Kỳ triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới xã Quy Kỳ năm 2023;

Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới. Ủy ban nhân dân xã Quy Kỳ xây dựng báo cáo kết quả thực hiệncác tiêu chí Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023, cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

1. Tổng quan về đặc điểm tình hình KT-XH của xã

Quy Kỳ là một xã miền núi đặc biệt khó khăn, thuộc phía Bắc huyện Định Hóa. Xã cách trung tâm huyện 6,55 km, diện tích tự nhiên 5.594,15 ha. Tại thời điểm tháng 9/2023 có Số hộ 1.122, số nhân khẩu 4.881; số 12 xóm, số chi bộ 17, số đảng viên 273. Nguồn thu nhập chủ yếu của địa phương là làm nông, lâm nghiệp chiếm 80%, công nghiệp - dịch vụ chiếm 5% còn 15% số hộ làm các ngành nghề khác.

Tình hình đời sống của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn cơ bản ổn định, đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân ngày một được nâng cao, cơ hội việc làm đa dạng hơn, qua đó cải thiện chất lượng đời sống trong nhân dân; những đề xuất, kiến nghịchính đáng của nhân dân được giải quyết ngay từ cơ sở, các ý kiến, nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của nhân dân luôn được quan tâm giải quyết kịp thời.

Với sự nỗ lực và quyết tâm cao của cấp ủy Đảng, Chính quyền, UBMTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội, sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân, trong năm 2023, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã Quy Kỳ đã đạt được nhữngkết quả quan trọng về công tác xây dựng nông thôn mới trong điều kiện có nhiều thuận lợi, khó khăn và thách thức.

2. Thuận lợi

- Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Lãnh đạo Huyện uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQViệt Namhuyện; sự giúp đỡ nhiệt tình, tích cực của các phòng, ban, thuộc UBND huyện. Cùng vớichủ trương, chính sách linh hoạt, đổi mới, tích cực, đồng bộ và quyết liệt của tỉnh, của huyện.

- Xây dựng nông thôn mới luôn được sự đồng thuận, thống nhất cao của Đảng bộ, chính quyền,UBMTTQ, các tổ chức chính trị xã hội và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn xã.Hệ thống chính trị ổn định, an ninh trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, nhân dân có truyền thống yêu nước, cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất và tích cực chung tay xây dựng nông thôn mới.

- Đội ngũ cán bộ, công chức trẻ, khỏe, năng động, có năng lực, trình độ chuyên môn, cách làm việc sáng tạo giám chịu trách nhiệm.

3. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ của địa phương, xã cũng gặp không ít những khó khăn, đó là:

- Một bộ phận nhỏ cán bộ, Đảng viên và nhân dân, ban đầu chưa nhận thức đúng về Chương trình xây dựng nông thôn mới, nên có biểu hiện trông chờ vào nguồn đầu tư từ ngân sách Nhà nước.

- Về mặt địa lý không thuận lợi, kinh tế chủ yếu dựa vào sản xuất nông, lâm nghiệp; sản xuất nhỏ manh mún, tự cung tự cấp chưa tạo thành sản phẩm hàng hóa trong nông nghiệp.

- Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ chưa phát triển mạnh, chưa có ngành nghề thu hút lao động tạo việc làm tại địa phương,...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM trên địa bàn xã ngay từ đầu năm Đảng ủy, HĐND, UBND xã xây dựng một số văn bản tổ chức triển khai thực hiện tại cơ sở, cụ thể như sau:

- Nghị quyết số 20-NQ/ĐU ngày 9/11/2022 của Đảng ủy xã Quy Kỳ về xây dựng xã Quy Kỳ đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2023;

- Kế hooạch số 106/KH-UBND ngày 09/11/2022 của UBND xã Quy Kỳ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn xã;

- Nghị quyết số 29-NQ/ĐU, ngày 24/12/2022 của Đảng uỷ xã Quy Kỳ về lãnh đạo nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh xây dựng Đảng và hệ thống chính trị năm 2023;

- Nghị quyết số 09/NQ-HĐND, ngày 30/12/2022 của Hội đồng nhân dân xã Quy Kỳ phê chuẩn kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2023;

- Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 08/3/2023 của UBND xã Quy Kỳ triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM xã Quy Kỳ năm 2023;

- Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 8/3/2023 của UBND xã Quy Kỳ thực hiện tiêu chí xây dựng NTM năm 2023;

- Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 8/3/2023 của UBND xã Quy Kỳ tuyên truyền chương trình xây dựng nông thông mới trên địa bàn xã Quy Kỳ năm 2023;

- Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 07/4/2023 của UBND xã Quy Kỳ kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã, xóm theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023;

- Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 17/4/2023 của UBND xã Quy Kỳ kế hoạch tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức Chương trình xây dựng NTM cho cán bộ cấp xã và Ban phát triển xóm năm 2023;

- Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 24/5/2023 của UBND xã Quy Kỳ kiện toàn Ban Quản lý Chương trình xây dựng Nông thôn mới xã Quy Kỳ thực hiện Bộ tiêu chí về xã Nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 – 2025;

- Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 24/5/2023 của UBND xã Quy Kỳ phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban quản lý Chương trình xây dựng NTM xã Quy Kỳ thực hiện bộ tiêu chí về xã NTM tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2025;

Đồng thời thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo tại các cuộc họp của BCĐ, BQL xây dựng NTM xã cụ thể: Cuộc họp ngày 10/3/2023 triển khai chuyên đề về công tác xây dựng NTM; ngày 16/3/2023 triển khai một số nội dung quan trọng về xây dựng NTM; ngày 29/3/2023 triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm trong chương trình xây dựng NTM quý II/2023; ngày 14/4/2023 kiểm tra tiến độ hoàn thiện hồ sơ minh chứng thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM; ngày 16/5/2023 rà soát tiến độ hoàn thiện hồ sơ minh chứng thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM và tại các cuộc họp giao ban hành tháng của Đảng ủy, UBND xã.

2.Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

a. Công tác truyền thông

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 08/03/2023 về tuyên truyền thực hiện Chương trình nông thôn mới năm 2023.Qua đó, phối hợp với các ngành, đoàn thể tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết của Đảng và các văn bản thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới đến các chi bộ và đảng viên, cán bộ, công chức và toàn thể nhân dân trên địa bàn xã. Thông qua các cuộc họp, hội nghị của Đảng ủy, UBND, UBMTTQ xã, các tổ chức chính trị - xã hội và cuộc họp của các xóm, tạo sự đồng thuận trong người dân về việc huy động nguồn lực, giải phóng mặt bằng, góp sức, góp công, góp của để xây dựng các công trình hạ tầng trên địa bàn. Xác định rõ trách nhiệm, quyền lợi của người dân khi tham gia xây dựng nông thôn mới; cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch, có sự bàn bạc thống nhất và tạo điều kiện cho người dân trong việc kiểm tra và giám sát quá trình thực hiện.

Thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền bằng nhiều hình thức phù hợp với thực tế của địa phương, như tuyền truyền trực quan bằng băng zôn, đẩy mạnh tuyên truyền trên trang thông tin điện tử xã.

Thông qua công tác tuyên truyền, đã nâng cao được nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, các cơ sở sản xuất kinh doanh hiểu sâu hơn về Chương trình xây dựng nông thôn mới. Các đồng chí cán bộ, đảng viên tích cực tiên phong thực hiện, làm tấm gương cho nhân dân noi theo. Từ đó nhân dân đã ý thức được vai trò, trách nhiệm và đã tự nguyện đóng góp ngày công, tiền của, tài sản để xây dựng nông thôn mới.

b. Công tác đào tạo, tập huấn

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 17/4/2023 về tập huấn, tuyên truyền về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2023. Nội dung đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng bám sát theo Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2022 - 2025; phổ biến công tác triển khai Đề án xây dựng NTM xã giai đoạn 2022 - 2025; kế hoạch xây dựng

nông thôn mới năm 2023; Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và nội dung cơ bản của Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025; kỹ năng tuyên truyền, vận động người dân trong xây dựng NTM; đối tượng tham gia các lớp tập huấn do tỉnh, huyện, xã tổ chức triệu tập là các thành viên Ban chỉ đạo, Ban quản lý xã, Bí thư chi bộ, trưởng xóm, thành viên Ban phát triển xóm, các tầng lớp nhân dân, ... Thông qua các lớp đào tạo, tập huấn đã giúp thành viên Ban chỉ đạo, Ban quản lý xã, Bí thư chi bộ, trưởng xóm, thành viên Ban phát triển xóm, các tầng lớp nhân dân cập nhật đầy đủ, kịp thời những chỉ đạo mới. Đồng thời, nâng cao kiến thức, năng lực quản lý, điều hành để áp dụng phù hợp với thực tế địa phương, từ đó, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ trình độ để triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình xây dựng NTM.

Cụ thể như cử 14 đồng chí là cán bộ NTM xã, trưởng đoàn thể, bí thư chi bộ, trưởng xóm tham gia tập huấn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2023 tại huyện Định Hóa và tham gia thực tế học tập tại tỉnh Thanh Hóa; cử người có uy tín trên địa bàn xã tham gia học tập, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm công tác và thăm một số mô hình phát triển kinh tế, xây dựng xã nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao, giữ gìn an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số do Ban dân tộc tỉnh tổ chức; đại biểu là Chi hội trưởng hội cựu chiến binh, hội phụ nữ, bí thư chi đoàn thanh niên, hội nông dân xóm tham gia lớp tập huấn về nông thôn mới, phổ biến kiến thức dân tộc, chuyển đổi số,...do tỉnh và huyện tổ chức. UBND xã phối hợp với các phòng chuyên môn của huyện Định Hóa tổ chức các lớp tuyên truyền về nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở, dân chủ cơ sở, phòng chống bạo lực gia đình, truyên truyền về công tác bảo vệ môi trường, phân loại rác thải tại nguồn; hướng dẫn lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

4. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân

a. Công tác phát triển kinh tế nông thôn

UBND xã chỉ đạo sản xuất vụ xuân, vụ mùa theo kế hoạch năm, các xóm thực hiện tốt công tác làm đất, gieo mạ và cấy đảm bảo thời vụ, tiến độ cấy được 400 ha *(bằng 100% kế hoạch);*ước sản lượng lương thực có hạt đạt 100%; các cây màu khác tiếp tục được chỉ đạo thực hiện đạt so với kế hoạch giao. Công tác thủy lợi được đảm bảo, các kênh, đập đảm bảo nguồn nước; hệ thống kênh mương được nạo vét, khơi thông để điều tiết nước phục vụ sản xuất. Nguồn vật tư nông nghiệp như phân bón, giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn xã được đảm bảo đáp ứng kịp thời vụ.

Thực hiện kế hoạch trồng mới, trồng lại chè vụ thu năm 2023, đến nay xã đăng ký được 0,55ha/1ha đạt 55% theo kế hoạch giao. Đối với chè kinh doanh xã tiếp tục chỉ đạo công tác chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, chỉ đạo thâm canh chè.

UBND xã Quy Kỳ phối hợp với các lực lượng công an- quân sự, địa chính, Ban lâm nghiệp, tổ quản lý bảo vệ rừng tuần tra, kiểm tra các diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộvới 06 buổi. Công tác kiểm tra, giám sát khai thác, hướng dẫn các hộ gia đình, các các nhân có nhu cầu khai thác lâm sản thực hiện đúng quy định của Nhà nước.Trong 9 tháng đã giám sát được 32 hồ sơ khai thác gỗ với diện tích 32,82 ha. Triển khai kế hoạch trồng rừng năm 2023, rà soát và thiết kế trồng rừng 116,45/118ha, đạt 98,7% kế hoạch *(diện tích trồng cây quế là 81,3/78 ha, đạt 104,2%)*. Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng được thực hiện tốt, không để xảy ra cháy rừng trên địa bàn xã.

Công tác phòng, chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm tiếp tục được chỉ đạo thực hiện tốt, số gia súc gia cầm được tiêm phòng dịch bệnh đạt trên 90%, công tác phun tiêu độc khử trùng đạt 95% so với kế hoạch đề ra; tăng cường chỉ đạo đối với bệnh viêm da nổi cục trên đàn trâu và bệnh dịch tả lợn Châu Phi đối với đàn lợn.Triển khai kế hoạch tiêm phòng, khử trùng tiêu độc năm 2023. Chỉ đạo đôn đốc triển khai Luật chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; chỉ đạo tăng cường các biện pháp phòng chống bệnh dại động vật.

b. Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn

Tình hình sản xuất công nghiệp , tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ cơ bản ổn định. Các mặt hàng thiết yếu được cung ứng đáp ứng nhu cầu thị trường. Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong 9 tháng đầu năm 2023 ước đạt 21,3/25,8 tỷ đồng đạt 82,56% kế hoạch. Giải quyết việc làm mới cho 85/105 lao động, đạt 81% kế hoạch, đi lao động trong và ngoài nước.

Chỉ đạo công chức chuyên môn tham mưu thực hiện triển khai kế hoạch phát triển Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2022-2025. Công tác kiểm tra thị trường hàng hóa, hàng giả thường xuyên được UBND xã chỉ đạo thực hiện; thành lập Ban chỉ đạo vệ sinh toàn thực phẩm và tổ kiểm tra an toàn thực phẩm trong dịp tết Nguyên đán, tết thiếu nhi, tết Trung thuđối với các hộ sản xuất,kinh doanh cho thực hiện ký cam kết vệ sinh an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định.

c. Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân

Các hoạt động an sinh xã hội, công tác quản lý, chi trả trợ cấp đối tượng chính sách được thực hiện đúng quy định. Xây dựng Kế hoạch, tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh, Liệt sỹ *(27/7/1947 - 27/7/2023)* như: Thăm hỏi, động viên, tặng cho các đối tượng chính sách, người có công trên địa bànxã. Tiếp nhận quà của các đơn vị, tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm và thực hiện trao quà cho các đối tượng trong dịp tết Nguyên Đán Quý Mão tổng số tiền hỗ trợlà 214 triệu đồng. Tổ chức thăm, tặng quà chúc thọ, mừng thọ cho 47 cụ cao tuổi, tổng số tiền là 10.500.000 đồng. Triển khai thực hiện dự án phát triển sản xuất hỗ trợ 15 hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện chăn nuôi bò cái Laishind sinh sản; thực hiện hỗ trợ cho 15 hộ gia đình thụ hưởng chính sách tín dụng ưu đãi thực

hiện hỗ trợ nhà ở theo Nghị định 28/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ (*đợt 3 năm 2023).*

UBND xã giao cho công chức văn hóa - xã hội cập nhật dữ liệu phần mềm hộ nghèo năm; thông tin thị trường lao động, nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn trong và ngoài tỉnh.Trong 9 tháng tạo điều kiện giải quyết việc làm mới cho 85 lao động đi làm việc tại các công ty, doanh nghiệp trong, ngoài tỉnh và đi xuất khẩu lao động tại các nước khác.

5. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng xã nông thôn mới

Tổng kinh phí đã thực hiện: 5.557.663.660đồng.

Trong đó:

Ngân sách trung ương: 3.040.600.000đồng, chiếm 54,71%.

Ngân sách tỉnh: 868.923.660đồng, chiếm 15,63%.

Ngân sách huyện: 725.900.000đồng, chiếm 13,06%.

Nhân dân đóng góp: 922.240.000đồng, chiếm 16,59%.

Ngoài ra còn huy động hơn 2.000 ngày công của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân làm công tác vệ sinh môi trường xây dựng Nông thôn mới.

6. Kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn NTM theo quy định tính đến ngày 31/8/2023 là 16/19 tiêu chí, đạt 84,21% *(số chỉ tiêu đạt so với yêu cầu là 52/57 chỉ tiêu, đạt 91,22%)*, cụ thể như sau:

6.1. Tiêu chí số 1 - Quy hoạch

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển KT-XH của xã giai đoạn 2021-2025 *(trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn)* và được công bố công khai đúng thời hạn.

- Ban hành quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

b. Kết quả thực hiện

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Quy hoạch nông thôn mới xã Quy Kỳ đã được phê duyệt tại Quyết định số 3982/QĐ-UBND ngày 27/11/2012 của UBND huyện Định Hóa về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng NTM xã Quy Kỳ, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Qua 10 năm thực hiện kết quả cho thấy về cơ sở hạ tầng nông thôn thay đổi vượt trội, hệ thống giao thông thủy lợi, điện, đường, trường, trạm được đầu tư nâng cấp khang trang. Xong bên cạnh xu thế phát triển của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đồ án quy hoạch xây dựng NTM

năm 2012 không còn phù hợp, nhiệm vụ đặt ra là phải điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp xứng tầm với sự phát triển của Khoa học công nghệ.

- Các nội dung đã thực hiện: Năm 2021 xã thực hiện xong điều chỉnh quy hoạch xây dựng NTM đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 7822/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND huyện Định Hóa về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Quy Kỳ, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. UBND xã ban hành văn bản quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo đúng quy hoạch.

c. Tự đánh giá: Đạt 2/2 chỉ tiêu. Tiêu chí đạt yêu cầu.

6.2. Tiêu chí số 2 - Giao thông

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ đường xã được nhựa hoá hoặc bê tông hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt 100%.

- Tỷ lệ đường trục xóm và đường liên xóm ít nhất được cứng hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm ≥80%.

- Tỷ lệ đường ngõ xóm, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm ≥70%.

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hoá thuận tiện quanh năm ≥50%.

b. Kết qủa thực hiện

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Hàng năm UBND xã đều ban hành kế hoạch về vệ sinh môi trường đường làng ngõ xóm, phát quang hành lang giao thông. UBND xã luôn chủ động tổ chức triển khai thực hiện các nội dung về tiêu chí giao thông. Từ nguồn vốn nhà nước, nguồn xi măng hỗ trợ cùng với nguồn kinh phi nhân dân tự nguyện đối ứng, hiến đất xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn theo quy hoạch chung của xã.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Triển khai xây dựng các tuyến đường liên xóm, nội xóm, liên gia.

+ Tổng hợp các tuyến đường trên địa bàn xã, thu thập hồ sơ minh chứng và hoàn thiện báo cáo tiêu chí.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa, bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm là 6,55/6,55km, đạt 100%. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

+ Tỷ lệ đường xóm và đường liên xóm được cứng hóa là 8,61/8,61 km, đạt 100%. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

+ Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện xã đạt 15,78/15,78 km, đạt 100% đường ngõ, xóm sạch và được cứng hóa. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

+ Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm xã đạt 3,95/3,95km, đạt 100%. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

c. Tự đánh giá: Đạt 4/4 chỉ tiêu. Tiêu chí đạt yêu cầu.

6.3. Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng chống thiên tai

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.

- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

b. Kết quả thực hiện

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Thực hiện Quyết định số 913/QĐ-UBND, ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt bổ sung danh sách đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 08/03/2023 của UBND xã Quy Kỳ triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM xã Quy Kỳ năm 2023.

+ Trên cơ sở rà soát các tuyến kênh trên địa bàn UBND xã đã đề xuất hỗ trợ cứng hoá các tuyến kênh mương bảo phục vụ sản xuất. Xã ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, xây dựng Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ các thành viên; luôn sẵn sàng phương án, kế hoạch phòng chống thiên tai; phương án huy động số lượng vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm cho hoạt động phòng chống thiên tai theo kế hoạch.

+ Từ các nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước đã triển khai xây dựng các tuyến kênh mương dẫn bảo đáp ứng nhu cầu nước tưới, tiêu nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Thực hiện tốt công tác kiểm kê, kiểm soát nguồn nước thải vào các công trình thủy lợi.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động417,6/521,6 ha, đạt 80,06%. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

+ Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã được tưới tiêu thường xuyên tính đến thời điểm hiện tại là 650,18/650,18ha đạt 100%.Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

Số kênh mương đã kiên cố hóa gồm 26 tuyến với tổng chiều dài là 10,3/16,8 km, tỷ lệ đạt 61,3%.

Trên địa bàn xã có 02 hồ chứa nước *(Hồ Nà Kéo và Hồ Na Rì),* 14 đập dâng nước, 01 Trạm bơm *(Trạm bơm Túc Duyên)* phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Xã thành lập Tổ đội thủy nông để đảm bảo công tác vận hành, điều tiết nguồn nước tưới tiêu phục vụ sản xuất.

Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

Hàng năm UBND xã xây dựng phương án và triển khai kịp thời về công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đến các cơ quan và các xóm trên địa bàn xã. Thường xuyên theo dõi cập nhật thông tin diễn biến thiên tai trên các phương tiện thông tin thông báo của cấp trên và thông báo rộng rãi trên địa bàn. Thường xuyên kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, Trưởng Ban chỉ huy là chủ tịch UBND xã, thành viên Ban chỉ huy là các ban ngành, đoàn thể chính trị - xã hội xã và các ông, bà trưởng xóm trên địa bàn xã, phân công trách nhiệm các thành viên trực 24/24 giờ.

c. Tự đánh giá: Đạt 4/4 chỉ tiêu. Tiêu chí đạt yêu cầu.

6.4. Tiêu chí số 4 -Điện

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Hệ thống điện đạt chuẩn.

- Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt ≥ 95 %.

b. Kết qủa thực hiện

- Hệ thống điện đạt chuẩn theo quy định của Bộ Công Thương.

Toàn xã Quy Kỳđến nay có số trạm biến áp hạ thế là 10 trạm.Bao gồm: Trạm biến áp Quy Kỳ 1, Trạm biến áp Quy Kỳ 2, Trạm biến áp Quy Kỳ 3, Trạm biến áp Quy Kỳ 4, Trạm biến áp Trung tâm cụm xã Quy Kỳ, Trạm biến áp Tân Hợp, Trạm biến áp Đăng Mò, Trạm biến áp Nà Kéo, Trạm biến áp Nà Rọ, Trạm biến áp Gốc Hồng. Tổng công suất là 1.370KVA.

Đường dây: Tổng đường dây trung thế dài: 13,360 km. Tổng chiều dài đường dây hạ thế 27,835 km.Trong đó:Có 27,110 km đường dây 3 pha;0,725 km đường dây 01 pha (*toàn bộ đường dây 0,4KV là dây bọc cách điện, không có dây trần).*Tất cả hệ thống điện trên địa bàn toàn xã đã đạt chuẩn theo quy định của Bộ Công Thương.

Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- Hiện nay trên địa bàn xã số hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồnlà 1.116/1.122 hộ, đạt 99,47% hộdân được sử dụng điện an toàn từ nguồn Lưới điện Quốc gia.Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

c. Tự đánh giá: Đạt 2/2 chỉ tiêu. Tiêu chí đạt yêu cầu.

6.5. Tiêu chí số 5 - Trường học

a. Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ trường học các cấp *(mầm non, tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS)* đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định:Các xã có từ 03 trường trở xuống, 100% có cơ sở vật chất đạt mức chất lượng tối thiểu; 50% trường học có cơ sở vật chất đạt mức 1.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

Xã Quy Kỳ hiện nay có 03/03 trường được Sở GDĐT kiểm định chất lượng đạt Cấp độ 2; được UBND tỉnh ra quyết định đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1, 2*(Trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 tại Quyết định số 2591/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công nhận Trường Mầm Non Quy Kỳ đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2; trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 tại Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 24/8/2017; Trường THCS đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 tại Quyết định số 2155/QĐ-UBND ngày 15/07/2020, của UBND tỉnh Thái Nguyên)*. 03/03 Trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1. Hiện nay các Trường đang tiếp tục bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để nâng cao hơn nữa về chất lượng cơ sở vật chất trường học. Chỉ tiêu đạt so với yêu cầu.

c. Tự đánh giá: Đạt 1/1 chỉ tiêu.Tiêu chí đạt yêu cầu.

6.6. Tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.

-Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

- Tỷ lệ xóm có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.

b. Kết qủa thực hiện

- Năm 2022 nhà văn hóa xã đã được đầu tư nâng cấp, sửa chữa và xây mới các phòng chức năng; sân thể thao xã đã quy hoạch để xây dựng, tuy nhiên chưa có kinh phí để thực hiện. Dự kiến chỉ tiêu đạt vào giai đoạn 2025 - 2030. Đánh giá so với chỉ tiêu: Chưa đạt.

- Xã có điểm vui chơi giải trí cho người già và trẻ em, có kế hoạch thực hiện lắp đặt dụng cụ thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định. Xã đã thực hiện lắp đặt các thiết bị vui chơi chơ trẻ ở nhà văn hóa xóm. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- Toàn xã có 11/12 xóm có nhà văn hóa xóm để sinh hoạt cộng đồng cho nhân dân. Năm 2022, 2023 số xóm xây mới và sửa chữa nhà văn hóa xóm để đạt

theo yêu cầu là 10 nhà văn hóa *(Năm 2022 xây mới 04 nhà văn hóa: Thống Nhất 2, Gốc Hồng, Khuổi Tát, Hương Bảo 2; Năm 2023: Xây mới 03 Nhà văn hóa: Túc Duyên, Đăng Mò, Thống Nhất 1; sửa chữa 03 Nhà văn hóa: Thái Trung, Hương Bảo 3, Hương Bảo 1)*; còn nhà văn hóa Khuân Nhà chưa có*(lý do UBND xã thống nhất với Báo Nhân dân xã mở rộng diện tích điểm di tích, Báo Nhân dân xây dựng nhà truyền thống và là nhà sinh hoạt cộng đồng xóm Khuân Nhà)*. Dự kiến chỉ tiêu hoàn thành thực hiện vào tháng 12/2023. Đánh giá so với chỉ tiêu: Chưa đạt.

c. Tự đánh giá: Đạt 1/3 chỉ tiêu.Tiêu chí chưa đạt yêu cầu.

6.7. Tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a. Yêu cầu của tiêu chí

Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa.

b. Kết quả thực hiện

Chợ xã Quy Kỳ được đầu tư cải tạo, sửa chữa năm 2022 với diện tích bao 5.760,5 m^2gồm các công trình kỹ thuật:Nền chợ, các dãy nhà ki ốt, mương thoát nước, hệ thống tường bao, khu vực để xe, … UBND xã ban hành, niêm yết công khai nội quy hoạt động của chợ. Đánh giá chỉ tiêu so với chỉ tiêu: Đạt.

c. Tự đánh giá: Đạt 1/1 chỉ tiêu.Tiêu chí đạt yêu cầu.

6.8. Tiêu chí số 8 - Thông tin và truyền thông

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Xã có điểm phục vụ bưu chính.

- Xã có dịch vụ viễn thông, internet.

- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các xóm (*trong đó >2/3 số xóm có hệ thống loa hoạt động)*.

- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

b. *Kết quả thực hiện*

- Hiện tại xã có 01điểm bưu điện xây dựng tại xóm Thái Trung, quy mô 124 m^2 được xây dựng vào năm 2003và đảm bảo phục vụ nhu cầu của Nhân dân. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- 12/12 xóm, đạt tỷ lệ 100% xóm có mạng internet và mạng di động, 3G, 4G được phủ sóng toàn xã đảm phục vụ cho việc học tập, tìm hiểu, tra cứu thông tin, thông tin liên lạc. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa truyền thanh FM đến các xóm.Ngày 16/3/2023, UBND xã đã ban hành Quyết định số 35/QĐ-UBND về việc kiện toàn Ban biên tập Đài truyền thanh xã và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên ban biên tập; Quyết định về việc ban hành quy chế quản lý tổ chức và

hoạt động của Đài truyền thanh xã.Có 6/12 xóm có cụm thu truyền thanh (còn lại 6 xóm là vùng sâu, vùng lõm không tiếp sóng được). Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng máy tính 19/19 = 100%, các phần mềm và hệ thống quản lý văn bản điều hành được áp dụng, trang thôn tin điện tử của xã thường xuyên đăng tải các thông tin về tình hình phát triển Kinh tế - Xã hội của địa phương, tuyên truyền tốt đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến tại thời điểm báo cáo đạt theo yêu cầu. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

c. Tự đánh giá: Đạt 4/4 chỉ tiêu.Tiêu chí đạt yêu cầu.

6.9. Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Không có nhà tạm, nhà dột nát.

- Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt ≥ 80%.

b. Kết quả thực hiện

- Đến thời điểm hiện tại số nhà dột nát, nhà tạm đã được xóa 100%. Trong năm 2022, 2023 qua rà soát còn 97/1.122 nhà tạm, nhà dột nát 8,6%, trên tinh thần hỗ trợ của Nhà nước và Nhân dân tự phấn đấu xây dựng đến nay không có nhà tạm, nhà dột nát. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- Tỷ lệ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt chuẩn theo quy định của Bộ xây dựng là 988/1.122 hộ, đạt 88,06%. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

c. Tự đánh giá: Đạt 2/2 chỉ tiêu.Tiêu chí đạt yêu cầu.

6.10. Tiêu chí số 10 - Thu nhập

a. Yêu cầu của tiêu chí

Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 là 39 triệu đồng/người/năm, năm 2023 là 42 triệu, năm 2024 là 45 triệu, năm 2025 là 48 triệu.

b. Kết quả thực hiện

Năm 2022 thu nhập bình quân đầu người trên toàn xã là 39 triệu đồng/người/năm. Qua kết quả điều tra thu nhập năm 2023 của UBND xã Quy Kỳ đạt 44,91 triệu đồng/người/năm. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

c. Tự đánh giá: Đạt 1/1 chỉ tiêu.Tiêu chí đạt yêu cầu.

6.11. Tiêu chí số 11 - Nghèo đa chiều

a. Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025 dưới 13%.

b. Kết qủa thực hiện

Kết quả rà soát tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2022 của UBND xã Quy Kỳ là 25,49%. Đánh giá so với chỉ tiêu: Chưa đạt.

Tháng 9/2023 xã đang triển khai, tiến hành rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2023, kết quả dự kiến hoàn thành đạt chỉ tiêu với tỷ lệ dưới 13%.

c. Tự đánh giá: Đạt 0/1 chỉ tiêu.Tiêu chí chưa đạt yêu cầu.

6.12. Tiêu chí số 12 - Lao động

a. Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo *(áp dụng đạt cho cả nam và nữ)*≥ 70%;

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (*áp dụng đạt cho cả nam và nữ)*≥ 20%.

b. Kết quả thực hiện

- Qua rà soát thống kê số lao động qua đào tạo *(áp dụng cho cả nam và nữ)*xã có là 1.920/2.739 lao động, đạt tỷ lệ 70,10%. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- Lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ *(áp dụng cho cả nam và nữ)* xã có 558/2.739 lao động, tỷ lệ đạt 20,37%.Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

c. Tự đánh giá: Đạt 2/2 chỉ tiêu.Tiêu chí đạt yêu cầu.

6.13. Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã.

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững.

- Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương.

- Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với phát triển vùng nguyên liệu làng nghề bền vững.

- Có Tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả.

b. Kết qủa thực hiện

- Tháng 5 năm 2022 UBND thành lập được 01 HTX Dịch vụ và Nông nghiệp Hợp Thành, đến nayHTX đang hoạt động hiệu quả. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- Mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực. Năm 2023 xã đăng ký thực hiện mô hình sản xuất lúa Bao Thai, tại xóm Thống Nhất 1. Tuy

nhiên đến tháng 10/2023 mới đánh giá được kết quả thực hiện mô hình liên kết. Dự kiến chỉ tiêu hoàn thành vào tháng 10/2023. Đánh giá so với chỉ tiêu: Chưa đạt.

- Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương. Ngày 25/5/2023 UBND xã xây dựng, ban hành quyết định công nhận Tổ hợp tác sản xuất lúa theo tiêu chuẩn ViêtGAP gồm 34 thành viên, tại xóm Thống Nhất 1; sản phẩm chủ lực là sản xuất Bao Thai. Tuy nhiên đến tháng 10/2023 mới đánh giá được kết quả thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Dự kiến hoàn thành chỉ tiêu vào tháng 10/2023. Đánh giá so với chỉ tiêu: Chưa đạt.

- Xã xây dựng Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 26/8/2022 kế hoạch thực hiện Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề xã Quy Kỳ giai đoạn 2021 - 2030. Tuy nhiên địa phương không có làng nghề truyền thống. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- Năm 2022 xã thành lập 01 Tổ khuyến nông cộng đồng tại Quyết định 354/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của UBND xã Quy Kỳ với 08 thành viên. Tổ khuyến nông hoạt động theo phương án của Tổ và phương án sản xuất nông, lâm nghiệp của UBND xã hằng năm. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

c. Tự đánh giá: Đạt 3/5 chỉ tiêu.Tiêu chí chưa đạt yêu cầu.

6.14. Tiêu chí số 14 - Giáo dục và đào tạo

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ:

+Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

+ Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2.

+ Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1≥98%.

+ Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2.

+ Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

+ Trung tâm học tập cộng đồng xếp loại Khá trở lên.

- Tỷ lệ học sinh (áp dụng cho cả nam và nữ) tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học Trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) đạt≥70%.

b. Kết quả thực hiện

- Trong những năm qua, công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ luôn được duy trì và giữ vững. Kết quả công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, cụ thể như sau:

+ Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi;

+ Phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3;

+ Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 là 66/66 trẻ,đạt 100%;

+ Phổ cập giáo dục THCS đạt mức độ 3;

+ Đạt chuẩn xóa mù chữ đạt mức độ 3;

+ Trung tâm học tập cộng đồng năm 2020, 2021,2022 đạt loại khá.

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở đang học tại các trường (Phổ thông, Trung tâm GDNN-GDTX, Trung cấp, Cao đẳng 169/175 học sinh đạt 96,4%.

Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- Tỷ lệ học sinh *(áp dụng đạt cho cả nam và nữ)* tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học *(phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)* trên địa bàn xã 47/47 học sinh, đạt 100% *(năm học 2022-2023)* .Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

c. Tự đánh giá: Đạt 2/2 chỉ tiêu.Tiêu chí chưa đạt yêu cầu.

6.15. Tiêu chí số 15 - Y tế

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng cho cả nam và nữ) ≥ 90%.

- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)≤ 24%.

-Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử≥ 50%.

b. Kết qủa thực hiện

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế *(áp dụng cho cả nam và nữ)*4.788/4.881người, đạt 98,09%.Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế mức độ 2 năm 2018. Tháng 6/2022 xã xét, đánh giá và đề nghị cấp có thẩm quyền công nhận xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) là 50/294 trẻ, đạt 17,01%. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- Tỷ lệ người dân có sổ sức khỏe điện tử 3.520/4.881 người, đạt 72,12%. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

c. Tự đánh giá: Đạt 4/4 chỉ tiêu.Tiêu chí chưa đạt yêu cầu.

6.16. Tiêu chí số 16 -Văn hóa

a. Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ xóm đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới.

b. Kết quả thực hiện

Năm 2022 tỷ lệ xóm đạt chuẩn văn hóa 11/12 xóm, đạt 91,67%. Xã và các xóm đều có Kế hoạch và triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng nông thôn mới. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

c. Tự đánh giá: Đạt 1/1chỉ tiêu.Tiêu chíđạt yêu cầu.

6.17. Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đối với xã khu vực III có ≥ 30% hộ dân sử dụng nước sạch. Trong đó từ hệ tất cả các nguồn ≥20%; từ hệ thống cấp nước tập trung ≥ 10%.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt ≥ 90%.

- Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước sinh hoạt tại khu dân cư tập trung.

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ≥2 m^2/người.

- Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

-Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt ≥ 70%.

- Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý, đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt ≥ 70%.

- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt trên ≤ 60%.

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ gia đình phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt ≥ 30%.

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn, được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt ≥ 30%.

b. Kết qủa thực hiện

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn của xã Quy Kỳ là 892/1.122 hộ; đạt 79,5% . Trong đó hộ sử dụng nước từ hệ tất cả các nguồn là 518/1.122 hộ, đạt 46,17%; số hộ sử dụng nước từ hệ thống cấp nước tập trung là 374/1.122hộ, đạt 33,33%. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường là 15/15 cơ sở, đạt 100%. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường được đẩy mạnh. Hàng tháng các cơ quan và các xóm tổ chức, triển khai thực hiện ngày chủ nhật xanh quét dọn, đường làng ngõ xóm. Hội LHPN xã triển khai chấm điểm mô hình đường hoa của 12 xóm trên địa bàn. Các tổ thu gom rác thải tập trung trên địa bàn được triển khai thực hiện tốt. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn bao gồm đất trống cây xanh, trồng hoa 2 bên đường làng, đất trồng cây tại khuôn viên UBND xã, các khối trường học, trạm y tế là 10.304 m^2/4.935 khẩu đạt 2,08m^2/người. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- Diện tích nghĩa địa được quy hoạch hiện có với diện tích 4,65ha; năm 2021 xã thực hiện điều chỉnh quy hoạch bổ sung, mở rộng thêm 02 nghĩa địa với diện tích là 04 ha *(Nghĩa địa xóm Gốc Hồng là 02 ha; nghĩa địa khu Khánh Kim - Khuân Câm là 02 ha);* công tác mai táng trên địa bàn xã phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, người dân thực hiện chôn cất theo quy định quản lý đã được ban hành.Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom 2.192,5/2.740.5kg, đạt 80%. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật, chất thải rắn y tế sau khi sử dụng được thu gom xử lý đúng theo quy định 92,5/92,5kg, đạt tỷ lệ 100%. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch là 1.029/1.122 hộ, đạt 91,71%. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường là 150/186 hộ, đạt 80,65%. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm là 19/19 hộ, đạt 100%. Chỉ tiêu đạt với yêu cầu.

- Tỷ lệ hộ gia đình phân loại chất thải rắn tại nguồn là 643/1.122 hộ, đạt 57,31%. Chỉ tiêu đạt so với yêu cầu.

- Tỷ lệ chất thải nhựa tại các hộ gia đình phát sinh trên địa bàn, được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định là 643/1.122 hộ, đạt 57,31%. Chỉ tiêu đạt so với yêu cầu.

c. Tự đánh giá: Đạt 12/12 chỉ tiêu.Tiêu chí đạt yêu cầu.

6.18. Tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.

- Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; Bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.

- Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hoạt động của Ban phát triển thôn.

b. Kết qủa thực hiện

- Số lượng cán bộ, công chức có mặt tại thời điểm *(Tháng 9/2023)* là: 19 người. Trong đó cán bộ 10, công chức 9, về trình độ văn hóa: Có 19/19 cán bộ, công chức có trình độ văn hóa tốt nghiệp trung học phổ thông, đạt tỷ lệ 100%. Số cán bộ, công chức đạt chuẩn theo quy định là 18 đồng chí; số cán bộ, công chức chưa đạt theo quy định là 06 đồng chí *(chưa bồi dưỡng quản lý kinh tế là 05 đ/c; chưa có chứng chỉ QLNN là 01 đ/c)*. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- Năm 2022 Đảng bộ xã được xếp loại hoàn thành nhiệm vụ (*do không đạt chỉ tiêu kết nạp đảng viên)*; Ủy ban nhân dân xã được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- Năm 2022 các tổ chức chính trị xã hội được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- Nâng cao vai trò chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền; xây dựng cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các ngành và phân công trách nhiệm cụ thể giữa UBND với Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc xây dựng và đánh giá địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Triển khai xây dựng kế hoạch cụ thể hóa các văn bản quy định về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở và xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới. Thành lập Tổ theo dõi, chấm điểm xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, phân công nhiệm vụ theo dõi chấm điểm xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Thực hiện công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật bằng nhiều hình thức, mô hình phù hợp như: Tại các nhà văn hóa xóm, nên bố trí tủ sách pháp luật, các văn bản pháp luật, thủ tục hành chính liên quan, in tờ gấp, tờ rơi, nội dung ngắn gọn dễ cập nhật tạo điều kiện trong tuyên truyền. Phổ biến qua các cụm loa truyền thanh ở cơ sở về các văn bản, lĩnh vực có nội dung thiết thực, liên quan đến quyền, lợi ích của

người dân như đất đai, hôn nhân gia đình, dân sự, bình đẳng giới và thông qua nội dung hương ước xóm.

Tăng cường bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức xã. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi thực hiện các thủ tục hành chính; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ thông tin trong các hoạt động ở cơ quan, nâng cao tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến.

Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- Xây dựng và triển khai thực hiện công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, xây dựng hoạt động có hiệu quả các mô hình câu lạc bộ phòng chống bạo lực gia đình. Xây dựng kế hoạch bảo vệ chăm sóc trẻ em, phòng chống xâm hại trẻ em, có kế hoạch bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương. Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội trên địa bàn xã.Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hoạt động của Ban phát triển thôn.Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

c. Tự đánh giá: Đạt 6/6 chỉ tiêu.Tiêu chí đạt yêu cầu.

6.19. Tiêu chí số 19 - Quốc phòng và an ninh

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng.

- Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em trên địa bàn; tội phạm và tệ nạn xã hội *(ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...)* và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiềm chế, giảm so với năm trước; có mô hình *(phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy)* gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên hiệu quả.

b. Kết quả thực hiện

- Ban chỉ huy quân sự xã ban hành đầy đủ và kịp thời các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo công tác Quốc phòng quân sự địa phương; xây dựng lực lượng dân quân trên địa bàn.Xây dựng kế hoạch công tác giáo dục quốc phòng hằng năm, quán triệt sâu sắc và triển khai có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc, của Bộ chính trị, ban chấp hành Trung ương và những nội dung mới về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với nhiệm vụ Quốc phòng và An ninh góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thực hiện tốt công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đảm bảo số lượng, chất lượng và độ tin cậy, quản lý tốt lực lượng dự bị động viên toàn xã, hằng năm xây dựng và triển khai có hiệu quả kế hoạch đảm bảo an ninh, chính trị trên địa bàn xã.

Về cơ cấu tổ chức Ban CHQS xã có đủ 04 chức danh, đúng cơ cấu, thành phần: Chỉ huy trưởng là thành viên UBND xã, có trình độ trung cấp ngành QSCS; Phó CHT là người hoạt động không chuyên trách, có trình độ cao đẳng ngành QSCS; Chính trị viên do Bí thư Đảng ủy đảm nhiệm; Chính trị viên phó do Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đảm nhiệm.

Hội đồng giáo dục QP&AN của xã thường xuyên được kiện toàn đúng theo quy định và hoạt động có hiệu quả. Ban hành kịp thời các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể làm tốt công tác tổ chức tuyên truyền giáo dục QP&AN toàn dân và thực hiện công tác giáo dục QP&AN, khảo sát nắm chắc cán bộ thuộc các đối tượng phải bồi dưỡng kiến thức QP&AN trong toàn xã. Duy trì trực SSCĐ trong các ngày lễ, tết, hoặc khi có các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước, của địa phương. Tổ chức thực hiện trình tự thủ tục đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia lực lượng dân quân; xét duyệt, kết nạp dân quân mới và trao quyết định công nhận dân quân hoàn thành nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật.

Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

- Ngay từ đầu năm Đảng ủy xã ban hành Nghị quyết về nhiệm vụ công tác đảm bảo ANCT, TTATXH năm 2023 để chỉ đạo các chi bộ, các ngành, đoàn thể khu dân cư triển khai thực hiện tốt công tác đảm bảo ANTT trên địa bàn xã.

UBND xã dưới sự tham mưu của Ban chỉ huy công an xây dựng các chương trình, Kế hoạch trong công tác đảm bảo ANTT tại địa phương. Chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, các xóm tổ chức triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên về công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Xây dựng, triển khai thực hiện mô hình camera an ninh phục vụ công tác đảm bảo ANTT trên địa bàn xã Tân Thịnh; Tham mưu chỉ đạo triển khai thực hiện tốt Đề án số 06 và 02 Dự án: Dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và dự án Cấp, sản xuất, quản lý CCCD. Tham mưu thực hiện tốt công tác phát động phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ, đặc biệt là tham mưu duy trì có hiệu quả mô hình "Camera An ninh", "Tổ an ninh tự quản" phục vụ công tác đảm bảo ANTT trên địa bàn xã.

Ban hành nội quy, hương ước của xóm về an ninh trật tự, phòng chống các tệ nạn xã hội, bài trừ hủ tục không phù hợp với phong tục, tập quán và quy định của pháp luật.

Quản lý tốt công tác tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn, không để hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo chống đối chính quyền. Thực hiện tốt các nội dung trong Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và các văn bản chỉ đạo theo quy định.

Trong năm 2023, trên địa bàn xã không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em trên địa bàn; tội phạm và tệ nạn xã hội và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiềm chế, giảm so với năm trước.

Đánh giá so với chỉ tiêu: Đạt.

c. Tự đánh giá: Đạt 2/2 chỉ tiêu.Tiêu chí đạt yêu cầu.

(Có biểu mẫu đánh giá chi tiết kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đã làm được

Cấp ủy Đảng, chính quyền xã đã triển khai, quán triệt đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo của cấp trên về công tác xây dựng nông thôn mới đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Cán bộ, đảng viên và nhân dân đã nhận thức đúng về mục đích, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Đặc biệt là nhiệm vụ xây dựng xã Quy Kỳ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo về công tác xây dựng nông thôn mới có nhiều đổi mới. Công tác kiện toàn tổ chức bộ máy, hệ thống chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới đảm bảo kịp thời, hiệu quả.

Năm 2023 là năm xã Quy Kỳ đạt chuẩn Nông thôn mới theo kế hoạch của UBND huyện giao, trong năm qua cả hệ thống chính trị và nhân dân xã đoàn kết chung sức thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Về tiêu chí nông thôn mới: Năm 2022 được đánh giá là hoàn thành 12/19 tiêu chí, tháng 9/2023 hoàn thành 16/19 tiêu chí. Đến hết năm 2023 xã thực hiện hoàn thành 19/19 tiêu chí, đạt 100% *(đạt 57/57 chỉ tiêu)*.

Về hạ tầng cơ sở năm 2022 và năm 2023, xây dựng sửa chữa nhà văn hóa xã; xây mới nhà Tiếp nhận và trả kết quả; hoàn thành xây dựng và sửa chữa 11/12 nhà văn hóa xóm; xây dựng 05 tuyến đường nội đồng, 01 tuyến đường nội xóm *(xóm Khuân Nhà)*; 01 tuyến đường khu trung tâm xã *(tuyến đường ngã tư lên Trường học)* xây dựng 03 tuyến kênh mương phục vụ sản xuất nông nghiệp, 01 tuyến kênh mương thoát nước *(Tuyến kênh mương từ ngã ba kim phượng về xóm Túc Duyên)*; xây dựng lên thêm 1 tầng 06 phòng học của nhà lớp học 2 tầngTrường tiểu học Quy Kỳ; sửa chữa, nâng cấp Chợ Quy Kỳ.

Về hạ tầng kinh tế, văn hóa – xã hội: Đời sống nhân dân ngày càng được đổi mới, cả về vật chất lẫn tinh thần, thu nhập bình quân đầu người năm sau cao hơn năm trước, cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp. Phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao ngày càng phát triển và lớn mạnh. Giáo dục, y tế được quan tâm đúng mức.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại hạn chế

- Do việc thực hiện một số tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới đòi hỏi cần nguồn lực lớn, xong nguồn lực trong nhân dân tại địa phương chưa đáp ứng theo được yêu cầu, vì vậy ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành các tiêu chí.

- Việc huy động nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới còn gặp nhiều khó khăn. Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước (*kể cả vốn lồng ghép từ các mục tiêu, dự án khác)*chưa cao, nhân dân phải đối ứng nhiều; chưa huy động được nhiều nguồn vốn xã hội hóa từ các tổ chức, doanh nghiệp.

- Điều kiện cơ sở vật chất chật hẹp, trang thiết bị còn nhiều khó khăn, thiếu thốn; một số ít cán bộ, công chức chuyên môn chưa thực sự phát huy và làm tốt vai trò, trách nhiệm trong công tác xây dựng nông thôn mới.

2.2. Nguyên nhân

- Năng lực của một số cán bộ, công chức xã còn hạn chế;công tác vận động ở một số đoàn thể và cấp ủy chi bộ xóm có lúc còn hạn chế hiệu quả chưa cao, tính tự giác, chủ động chưa phát huy đúng mức.

- Một số xóm chưa quyết tâm cao trong việc tuyên truyền, vận động và thực hiện chương trình xây dựng NTM. Quy mô sản xuất nhỏ lẻ, manh mún chưa xây dựng được chuỗi liên kết thực sự hiệu quả, tư duy thay đổi của người dân còn chậm quen với phương thức sản xuất cũ, chưa thực sự năng động trong cơ chế thị trường hiện nay.

- Do tác động của dịch Covid-19 gây ra trên cả nước nói chung và trên địa bàn xã nói riêng từ năm cuối năm 2019 đến những tháng đầu năm 2022 dẫn đến kết quả thực hiện các tiêu chỉ xây dựng nông thôn mới còn chậm so với kế hoạch đề ra việc huy động nguồn lực trong công tác xây dựng NTM bị chi phối dẫn đến kết quả đạt được của các tiêu chi chưa cao.

- Công tác xây dựng xã nông thôn mới là nhiệm vụ mới vừa thực hiện vừa học hỏi và rút kinh nghiệm nên trong quá trình thực hiện gặp rất nhiều khó khăn.

3. Bài học kinh nghiệm

Từ những kết quả đạt được và những hạn chế trong quá trình xây dựng nông thôn mới, xã Quy Kỳ rút ra những bài học kinh nghiệm thực tiễn đó là:

- Công tác bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức cần được trú trọng và thường xuyên, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động để đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ và thấy được tầm quan trọng của Chương trình xây dựng nông thôn mới, đòi hỏi phải có sự vào cuộc đồng bộ, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị. Từ đó hiểu rõ nội dung, cách làm, nghĩa vụ và trách nghiệm của từng tổ chức và cá nhân trong xây dựng NTM. Để xóa bỏ tư tưởng trông chờ Nhà nước đầu tư, cần có sự phân công

đăng ký nhiệm vụ đối với từng tổ chức, đoàn thể cụ thể, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên. Xây dựng nội quy, quy chế hoạt động, phân công rõ trách nhiệm cho từng bộ phận, từng thành viên, phân cấp, quản lý, cụ thể, rõ ràng, không để tình trạng né tránh, tập trung lãnh đạo với phương châm mở rộng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, mọi lợi ích đều phải nhằm phục vụ nhân dân; trong công tác quy hoạch, cần cân đối quỹ đất cho phù hợp, quy hoạch phải mang tính khoa học, phù hợp với thực tế, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn phải đảm bảo về chất lượng, tránh hình thức và chạy theo thành tích.

- Huy động các nguồn lực trong cộng đồng dân cư, con em thành đạt xa quê khai thác các nguồn thu tại địa phương "Lấy sức dân để lo cho dân" tạo nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân là mục tiêu cơ bản; do vậy phải thực hiện toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội, đặc biệt phải xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của nhân dân, xây dựng có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên những nhu cầu cấp bách, phát huy nội lực về trí tuệ, công sức, tiền bạc của cả hệ thống chính trị và cộng đồng dân cư.

- Phát huy tốt quy chế dân chủ công khai, minh bạch, thực hiện tốt công tác kiểm tra giám sát, tạo niềm tin cho quần chúng nhân dân.

- Chú trọng phát triển giáo dục - đào tạo, nâng cao trình độ dân chí, đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương; nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, đảm bảo quốc phòng - an ninh nông thôn.

4. Những mô hình xây dựng nông thôn mới tiêu biểu

- Mô hình đường hoa của 12 xóm.

- Mô hình đường sáng, xanh, sạch đẹp xóm Thái Trung.

- Kế hoạch xây dựng mô hình đường kiểu mẫu tuyến đường từ ngã tư Trung tâm xã lên trường học; tuyến đường từ đường liên xã Quy Kỳ -Linh Thông sang Trường Mần Non; tuyến đường từ đường liên xã Quy Kỳ- Linh Thông sang xóm Hương Bảo 3.

IV. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ

1. Quan điểm

Tập trung thực hiện hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới. Phấn đấu đến năm 2025 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao. Quy hoạch lại các điểm dân cư phân tán tại địa bàn xã. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước, tín dụng ưu đãi và huy động các nguồn lực ngoài Nhà nước để đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội. Có chính sách khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại và thu hút mạnh doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh

nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ tại địa bàn xã. Đồng thời đẩy mạnh đào tạo nghề với các hình thức đa dạng, phù hợp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn.

Nông thôn là nơi sinh sống của một bộ phận dân cư chủ yếu làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp. Xã Quy Kỳ hiện nay vẫn là một xã thuần nông, do đó phát triển nông nghiệp nông thôn đã và sẽ còn là mối quan tâm hàng đầu, có vai trò quyết định đối với việc ổn định kinh tế xã hội tại địa phương.

Nội dung chính của Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới là: Xây dựng, tổ chức cuộc sống của dân cư nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại, giữ gìn bản sắc văn hóa và môi trường sinh thái gắn với phát triển đô thị, thị trấn, thị tứ.

Xây dựng nông thôn mới được xác định là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, chính vì vậy nó phải có hệ thống lý luận soi đường. Quan điểm của Đảng ta về xây dựng nông thôn mới là sự vận dụng sáng tạo lí luận của Chủ nghĩa Mác Lênin vào thực tiễn ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, hướng đến thực hiện mục tiêu cách mạng xã hội chủ nghĩa, từng bước xóa bỏ sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động chân tay và lao động trí óc, để đi đến kết quả cuối cùng là giai cấp công nhân, nông dân và trí thức sẽ trở thành những người lao động của xã hội cộng sản chủ nghĩa.

2. Mục tiêu

Xây dựng nông thôn mới ngày càng giàu đẹp, dân chủ, công bằng, văn minh, có cơ cấu kinh tế hợp lý, mô hình liên kết sản xuất phù hợp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển ngày càng hiện đại. Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới là chương trình mang tính tổng hợp, sâu, rộng, có nội dung toàn diện; bao gồm tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, chính trị, an ninh - quốc phòng. Mục tiêu chung của chương trình là xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao.

3. Nội dung, giải pháp thực hiện

Để tiếp tục việc duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, Đảng ủy, UBND xã, Ban chỉ đạo, Ban quản lý Chương trình xây dựng nông thôn mới xã Quy Kỳ tiếp tục tập trung đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong công tác xây dựng nông thôn mới.

3.1. Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã

Tập trung hoàn thành cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm: Mở rộng các tuyến đường giao thông trục xóm, ngõ xóm, mở rộng mặt đường đảm bảo có cây xanh bóng mát hai bên đường, những đoạn đường có điều kiện tiếp tục trồng hoa xây dựng cảnh quan hai bên đường, cải tạo các công trình thủy lợi, kênh mương nội đồng nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế.

3.2. Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân

- Đẩy mạnh công tác chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực có thể mạnh của địa phương, coi đây là khâu đột phá trong sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế nông nghiệp.

- Thông qua các chính sách hỗ trợ của nhà nước, các chương trình dự án để nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và địa phương; Hỗ trợ phát triển các tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả, nhân rộng các mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả, mô hình liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác.

- Nâng cao chất lượng thực hiện các tiêu chí; tập trung đầu tư, khai thác hiệu quả diện tích đất nông nghiệp, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp, nâng giá trị sản xuất; Đặc biệt là định hướng để nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để nâng cao thu nhập cho người dân.

- Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ từ xã đến xóm , nâng cao vai trò trách nhiệm của cấp uỷ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững không để tái nghèo, phấn đấu cơ bản xã không còn hộ nghèo trừ các đối tượng thuộc diện không có khả năng lao động không thể thoát nghèo.

3.2. Bảo vệ môi trường sinh thái

- Chỉ đạo các xóm cho các hộ dân thực hiện ký cam kết thu gom xử lý rác thải sinh hoạt.

- Đẩy mạnh hưởng ứng phong trào "5 không 3 sạch" thực hiện kinh doanh, chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đúng theo quy định góp phát, bảo vệ môi trường và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

3.3. Công tác an sinh xã hội và xây dựng đời sống văn hóa

- Tiếp tục cùng các ngành, đoàn thể động viên người dân thực hiện tốt các nội dung của đề án, duy trì quy ước làng văn hóa, thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng cơ sở đã xuống cấp; đồng thời thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các thôn, xóm thuộc xã trong việc thực hiện cơ chế, chính sách về xây dựng nông thôn mới tại đơn vị, đưa chương trình xây dựng nông thôn mới đi vào thực tế thực sự hiệu lực, hiệu quả.

- Đẩy mạnh phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, gắn với xây dựng nông thôn mới*"; tuyên truyền cho nhân dân nêu cao ý thức chấp hành pháp luật. Thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội, bài trừ hủ tục lạc hậu và tệ nạn xã hội

3.3. Giữ vững an ninh, trật tự xã hội

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng khu dân cư đạt tiêu chuẩn *"An toàn về an ninh trật tự"*. Tiếp tục duy trì và nhân rộng mô hình tự quản bảo vệ an ninh trật tự ở các xóm.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến tháng 9 năm 2023 của xã UBND xã Quy Kỳ, huyện Định Hóa./.

Nơi nhận:
- UBND huyện;
- Phòng NN&PTNT huyện;
- Lãnh đạo Đảng ủy;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ban QLXDNTM xã;
- UBMTTQ; các đoàn thể CTXH xã;
- 12 xóm trên địa bàn;
- Lưu: VP./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Luân Đức Quỳnh

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ QUY KỲ THEO BỘ TIÊU CHÍ CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN

(Biểu được trích xuất từ hệ thống phần mềm quản lý dữ liệu NTM tỉnh Thái Nguyên)

(kèm Báo cáo số /BC-UBND ngày /9/2023 của UBND xã Quy Kỳ)

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Điểm chuẩn	Minh chứng	Qh	Kết quả	Chỉ tiêu tự chấm	Điểm tự chấm	Ghi chú
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn		Đạt	1				Đạt	1	
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch		Đạt	1				Đạt	1	
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm		100%	2		6.55	6.55	100.00 %	2	
		2.2. Tỷ lệ đường trục xóm và đường liên xóm ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm		≥80%	2		8.61	8.61	100.00 %	2	
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch	90%	2		15.78	15.78	100.00 %	2	
			Tỷ lệ đường ngõ, xóm cứng hoá	≥70%			15.78	15.78	100.00 %		
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	90%	2		3.95	3.95	100.00 %	2	
			Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa	≥50%			3.95	3.95	100.00 %		
3	Thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động	≥80%	2		521.6	417.6	80.06 %	2	
			Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tiêu nước chủ động	≥80%			650.18	650.18	100.00 %		
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ		Đạt	2				Đạt	2	
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn		Đạt	2				Đạt	2	
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn		≥95%	2		1122	1116	99.47 %	2	
5	Trường học	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định	Các xã có hơn 3 trường: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu (≥70% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1)	Đạt	4					4	
			Các xã có từ 3 trường trở xuống: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu (≥50% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1)	Đạt					Đạt		
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã		Đạt	2				Chưa Đạt	0	Xã chưa có sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa thể thao của toàn xã
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định		Đạt	2				Đạt	2	
		6.3. Tỷ lệ xóm có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng		100%	2		12	11	91.67 %	0	Khuân Nhà chưa có Nhà văn hóa
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	7.1. Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa		Đạt	3				Đạt	3	

8	**Thông tin và Truyền thông**	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính		≥01 điểm	1				1	1	
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet		100% số xóm	1		12	12	100.00 %	1	
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các xóm (trong đó >2/3 số xóm có hệ thống loa hoạt động)		Đạt	1				Đạt	1	
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Tỷ lệ máy tính/tổng số cán bộ, công chức của xã	≥50%	0.5		19	19	100.00 %	0,5	
			Xã có sử dụng ít nhất 04 phần mềm ứng dụng sau: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước; Hệ thống một cửa điện tử; Cổng/trang thông tin điện tử có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Đạt	0.5				Đạt	0,5	
			Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã.	≥30%	0.5		424	415	97.88 %	0,5	
9	**Nhà ở dân cư**	9.1. Nhà tạm, dột nát		Không	1				0	1	
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	Đối với xã khu vực III	≥75%	1		1122	988	88.06 %	1	
			Đối với xã khu vực I, II	≥80%							
10	**Thu nhập**	10.1. Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2021	≥36	4					4	
			Năm 2022	≥39							
			Năm 2023	≥42					44.91		
			Năm 2024	≥45							
			Năm 2025	≥48							
11	**Nghèo đa chiều**	11.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025		<13%	2		1122	286	25.49 %	0	
12	**Lao động**	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		≥70%	2		2739	1920	70.10 %	2	
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		≥20%	2		2739	558	20.37 %	2	
13	**Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn**	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã		Đạt	3				Đạt	3	
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững		Đạt	2				Chưa Đạt	0	Chưa có mô hình liên kết
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương		≥1 sản phẩm	1				0	0	Chưa thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm chủ lực
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường		Đạt	1				Đạt	1	
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả		≥1 tổ	1				1	1	
14	**Giáo dục và Đào tạo**	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	1				Đạt	1	
			Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2	Đạt	1				Đạt	1	
			Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	≥98%	1		66	66	100.00 %	1	
			Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2	Đạt	1				Đạt	1	
			Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	Đạt	1				Đạt	1	
			Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá, xếp loại	Khá	1				Khá	1	
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng cho cả nam và nữ) tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)		≥70%	1		47	47	100.00 %	1	

15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)			≥90%	1		4881	4788	98.09 %	1	
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế			Đạt	1				Đạt	1	
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)			≤24%	1		294	50	17.01 %	1	
		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử			≥50%	0.5		4881	3520	72.12 %	0,5	
16	Văn hoá	16.1. Tỷ lệ xóm đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	Tỷ lệ xóm đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định		≥80%	1.5		12	11	91.67 %	1,5	
			Có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới		Đạt	1.5				Đạt	1,5	
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn										
			17.1.1. Xã không thuộc khu vực III	Từ hệ tất cả các nguồn	≥30%	1					1	
				Từ hệ thống cấp nước tập trung	≥10%							
			17.1.2. Xã khu vực III	Từ hệ tất cả các nguồn	≥20%			1122	518	46.17 %		
				Từ hệ thống cấp nước tập trung	≥10%			1122	374	33.33 %		
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường			≥90%	1		15	15	100.00 %	1	
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung			Đạt	1				Đạt	1	
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn			≥2m2/người	1				2.09	1	
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch			Đạt	1				Đạt	1	
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định			≥70%	1		2740.5	2192.5	80.00 %	1	
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường			100%	1		92.5	92.5	100.00 %	1	
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch			≥70%	1		1122	1029	91.71 %	1	
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường			≥60%	1		186	150	80.65 %	1	
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm			100%	1		19	19	100.00 %	1	
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn			≥30%	1		1122	643	57.31 %	1	
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định			≥30%	1		1122	643	57.31 %	1	
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn			Đạt	1				Đạt	1	
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên			Đạt	1				Đạt	1	
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên			100%	1		5	5	100.00 %	1	
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định			Đạt	4				Đạt	4	
		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội			Đạt	3				Đạt	3	
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển xóm			Đạt	1				Đạt	1	

19	**Quốc phòng và An ninh**	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	2				Đạt	2	
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,…) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiềm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	6				Đạt	6	
		Tổng điểm tự chấm							**91**	